

Số: **03** /CT-UBND

Trà Vinh, ngày **09** tháng 8 năm 2022

CHỈ THỊ
**Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023**

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, góp phần triển khai các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, dự báo nền kinh tế của tỉnh tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của dịch Covid-19, kinh tế phục hồi chậm, tiềm ẩn nhiều rủi ro và chưa vững chắc do còn lệ thuộc nhiều vào sản xuất điện.

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; với quyết tâm phục hồi sản xuất, tạo nền tảng cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là địa phương) và các doanh nghiệp nhà nước tập trung xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2022 - 2025 với các yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chủ yếu sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023

I. YÊU CẦU

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/01/2022 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2022, Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/6/2021 của HĐND tỉnh và các Nghị quyết của HĐND các cấp (đối với địa phương) về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

b) Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 phải bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn, có so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021; nêu rõ những kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2022), khó khăn, hạn chế; phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những kết quả đạt được, nhất là tăng trưởng GRDP, hạn chế, yếu kém; nêu rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với những hạn chế, yếu kém và đề ra bài học kinh nghiệm.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023

a) Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022; dự báo tình hình trong tỉnh, khu vực và cả nước có ảnh hưởng lớn đến phát triển KTXH của tỉnh.

Mục tiêu phát triển của Kế hoạch năm 2023 phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, chỉ đạo của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, các Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy; thể hiện sự quyết liệt, phấn đấu đạt được mục tiêu Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, thực hiện thành công Chương trình phục hồi và phát triển KTXH.

b) Kế hoạch của các Sở, ban ngành tỉnh, các địa phương phải phù hợp định hướng phát triển của tỉnh, với kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021 - 2025; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; đảm bảo kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH.

Các mục tiêu, định hướng phải nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch 05 năm, bảo đảm tính khả thi, có phấn đấu, có quyết tâm chính trị cao, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch đầu tư công.

c) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách: (i) phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ.

d) Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể về nội dung, thời gian, tiến độ thực hiện, hoàn thành (lượng hóa tối đa các kết quả dự kiến hoàn thành, đạt được trong năm 2023 như: Số km đường; số công trình, dự án hoàn thành đưa vào sử dụng; số công trình thủy lợi, hồ chứa nước và ngăn mặn; số doanh nghiệp, HTX phát triển mới; văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, xây dựng, hoàn chỉnh; thủ tục hành chính được rút gọn; biên chế được tin giản; bộ máy được sắp xếp lại; thanh tra, kiểm tra xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;...); cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; cá thể hóa trách nhiệm.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022, các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý; trong đó, có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh, tác động của dịch Covid-19, biến động giá cả hàng hóa...; kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/01/2022 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2022, Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/6/2021 của HĐND tỉnh và các Nghị quyết của HĐND các cấp, Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022.

2. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023

Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Kinh tế thế giới phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, giá cả nguyên vật liệu sản xuất có nguy cơ tăng cao. Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng thúc đẩy thích ứng, mở cửa sau dịch Covid-19, chuyển đổi số, phát triển bền vững, tăng cường hợp tác, liên kết vừa là thời cơ, vừa là thách thức; dịch bệnh ở một số nước còn diễn biến phức tạp.

Trong tỉnh, tình hình dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát; quy định về “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” đã được phát huy; Chương trình phục hồi và phát triển KTXH tiếp tục được triển khai; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,... Tuy nhiên, nền kinh tế sẽ phải tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế do chưa hoặc chậm được khắc phục, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu,...

Trong bối cảnh đó, các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong tỉnh, trong vùng và cả nước tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH; đặc biệt, lưu ý những vấn đề như khả năng kiểm soát dịch Covid-19 trong nước và triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, tình hình biến động giá cả...

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023.

c) Mục tiêu, một số chỉ tiêu chủ yếu.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2023 bảo đảm thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, mục tiêu tổng quát, mục tiêu chủ yếu của năm 2023; đồng thời, phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng ngành, địa phương. Trong đó:

- Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được trong năm 2022; quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Tập trung công tác cải cách hành chính; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chỉ số PAR-Index, PAPI, SIPAS, PCI. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 71-KH/TU, ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 21/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Trà Vinh” theo NQ số 18, NQ số 19 của BCH Trung ương Đảng (khóa XII). Tiếp tục xây dựng Chính quyền và cơ quan hành chính các cấp đoàn kết, thống nhất cao, liêm chính, dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, bám sát thực tiễn, lắng nghe người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong hành động; tiếp tục khơi dậy và thúc đẩy khát vọng phát triển quê hương, đất nước.

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo các nghị quyết, chương trình hành động, kết luận về phát triển KTXH. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch Covid-19, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện, nâng cao chất lượng, giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực. Tích cực hơn nữa trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; chủ động xử lý hiệu quả những vấn đề tồn đọng kéo dài.

- Quán triệt chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, phát huy giá trị văn hóa và con người Trà Vinh trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển KTXH. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và văn hóa dân tộc Kinh - Khmer - Hoa; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Quan tâm hơn nữa đến công tác an sinh xã hội và đời sống nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc Khmer, các xã đảo; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chủ động nắm, kiểm soát tình hình từ bên ngoài tác động làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn, nhất là trong đồng bào dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện đông người, vượt cấp. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng khó khăn, vùng biển, xã đảo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật, kiềm chế tội phạm. Tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin mạng.

Tăng cường công tác thông tin đối ngoại và hội nhập quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh của của tỉnh để thu hút đầu tư nước ngoài. Tổ chức các cuộc gặp gỡ với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp Việt kiều và kiều bào tỉnh về thăm quê hương; tổ chức các cuộc họp mặt giao lưu văn hóa và hợp tác giữa các tổ chức hữu nghị. Tăng cường thu hút gắn với sử dụng hiệu quả vốn ODA và các nguồn vốn viện trợ từ các tổ chức NGO.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2023-2025

I. DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023

Năm 2023 là năm thứ hai của thời kỳ ổn định ngân sách mới 2022 -2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2023 và Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Về dự toán thu NSNN

Yêu cầu Sở Tài chính, Cục Thuế, Chi cục Hải quan:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ chỉ tiêu pháp lệnh thu Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao và đánh giá những tác động của các yếu tố khách quan, chủ quan đến sản xuất, kinh doanh, nguồn thu ngân sách để chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2022 trên địa bàn.

- Trong bối cảnh nền kinh tế đang phục hồi và phát triển, cần tập trung phân tích, dự báo tình hình kinh tế để đánh giá khả năng thực hiện thu ngân sách năm 2022 làm cơ sở xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023, đặc biệt là tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách, pháp luật về thu, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các tác động thu ngân sách gắn với thực hiện các nghĩa vụ của Chính phủ đối với các cam kết với nhà đầu tư nước ngoài đã và đang trình cấp thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2023 theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do tác động của các yếu tố khách quan về kinh tế

chính trị thế giới, khu vực, tình hình biến động giá cả, thị trường, điều hành cung ứng, luân chuyển hàng hóa, sự phục hồi của kinh tế địa phương...

- Tiếp tục quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyên nhượng bất động sản; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2023 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 7- 9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách).

2. Về dự toán chi ngân sách Nhà nước

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Phân đầu cân đối nguồn lực để thực hiện việc cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Ưu tiên nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở ở những nơi cần thiết, cấp bách, tăng cường năng lực phòng chống dịch bệnh; thực hiện các giải pháp đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Các địa phương xây dựng dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (NSDP) năm 2023 trên cơ sở dự toán năm 2022 và nhu cầu tăng chi phát sinh để thực hiện các chế độ, chính sách và pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở dự toán thu NSNN năm 2023, giao Sở Tài chính xây dựng trình cấp có thẩm quyền phương án chi cân đối NSDP năm 2023 phù hợp với khả năng cân đối của NSDP để xác định lại tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách từng huyện, thị xã, thành phố và số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện năm 2023 để áp dụng cho cả thời kỳ ổn định ngân sách, trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

Các địa phương xây dựng dự toán chi NSDP, chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; NSDP xác định lại số tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2023 dành để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2023, cần chú ý các nội dung sau:

2.1. Chi đầu tư phát triển

Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2023 bao gồm dự toán chi cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao và dự toán chi cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, trong đó đề nghị:

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, kế hoạch tài chính quốc gia, vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2023 cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31/12/2022; khắc phục tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

- Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Thực hiện theo các quy định của Trung ương và các văn bản có liên quan.

2.2. Về chi NSNN cho các nhiệm vụ theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

2.3. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khoá XII) và Kết luận 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận 28-KL/TW), yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị

xã và thành phố triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu,... trên cơ sở đó, bên cạnh việc tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.

2.4. Xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN theo đúng Nghị quyết số 19-NQ/TW; các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tiếp tục giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

2.5. Không bố trí chi thường xuyên đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2.6. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia: Căn cứ vào dự toán Trung ương giao cho địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh (các cơ quan chủ quản Chương trình MTQG) xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2023 của từng chương trình chi tiết theo từng sở, ban, ngành tỉnh và từng địa phương, kinh phí đầu tư phát triển, thường xuyên theo từng lĩnh vực chi và tuân thủ các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công.

2.7. Cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có).

2.8. Về việc cải cách tiền lương và dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN đảm bảo), điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công:

Các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ tiết kiệm chi thường xuyên, các nguồn thu được để lại và một phần thu sự nghiệp theo quy định.

Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, trong đó, phải tự đảm bảo phân tiền lương tăng thêm phù hợp với mức tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

Các địa phương tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW.

2.9. Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Cục Thuế tỉnh chủ trì xây dựng dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán); Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu phân bổ toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

2.10. Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách địa phương:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ về tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động tham mưu UBND tỉnh phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2023; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động tham mưu bố trí nguồn vốn để trả đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2023-2025

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, Kế hoạch tài chính, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; Nghị quyết của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch vay, trả nợ 03 năm cấp tỉnh.

2. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Tùy theo điều kiện, đặc điểm và mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển KTXH trên địa bàn, các địa phương xây dựng các chỉ tiêu dự báo trung hạn 3 năm 2023-2025 về thu ngân sách; dự kiến tổng chi NSDP, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên phân cân đối NSDP giai đoạn 2023-2025 phù hợp với khả năng cân đối thu NSDP; trong đó: Chi thường xuyên bao gồm đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương và địa phương ban hành tới thời điểm dự toán năm 2023 được cấp có thẩm quyền thông qua; chi đầu tư phát triển từ thu tiền sử dụng đất bố trí bằng số thu.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn chi tiết nội dung, tiến độ việc xây dựng Kế hoạch KTXH năm 2023, xây dựng Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 của tỉnh, phân công nhiệm vụ, tiến độ báo cáo cụ thể đối với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương *trong tháng 7 năm 2022*.

b) Phối hợp với Cục Thống kê, các sở, ban, ngành tỉnh tính toán, xây dựng phương án tăng trưởng kinh tế cho năm 2023, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp dự thảo báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 trình Ủy ban nhân dân tỉnh *trong tháng 8 năm 2022*.

2. Cục Thống kê

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu đầu vào để Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố số liệu ước tính tăng trưởng GRDP năm 2022; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan xây dựng dự kiến chỉ tiêu tăng trưởng GRDP, GRDP bình quân đầu người, cơ cấu kinh tế, huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2023.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương:

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

b) Gửi các báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 đến Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2022.

Riêng các Công ty nhà nước gửi báo cáo về kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2023 cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

II. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2023-2025

1. Sở Tài chính

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 của tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh theo đúng thời gian quy định.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 theo hướng dẫn của Sở Tài chính; gửi Sở Tài chính tổng hợp.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh, gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2023 của các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình HĐND tỉnh phê duyệt, làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2023.

Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII), tình hình thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới sự nghiệp công lập đến hết năm 2022, kế hoạch năm 2023 được cấp thẩm quyền giao, dự kiến kế hoạch năm 2024 - 2025, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 theo quy định.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính về tiến độ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Sở Tài chính xác định tiến độ xây dựng cụ thể.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

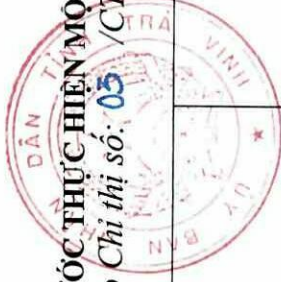
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các đơn vị thuộc VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNV. *02*

CHỦ TỊCH *Lot*



Lê Văn Hân

Phụ lục 1
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2023
 (Kèm theo Chỉ thị số: 03 /CT-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Mục tiêu	ƯTH cả năm	Đánh giá (đạt/không đạt)		
1	Tăng trưởng GRDP so với năm 2021	%	1,32				
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	67,03				Cục Thống kê
3	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, thuế SP trong GRDP	%	67,33				Cục Thống kê
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	30.000				Cục Thống kê
5	Phát triển mới doanh nghiệp	DN	500				Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	30,92				Sở Xây dựng
7	Thu nội địa	Tỷ đồng	5.183				Cục Thuế

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Mục tiêu	ƯTH cả năm	Đánh giá (đạt/không đạt)		
8	Xây dựng nông thôn mới						tỉnh
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm	Xã	04				Sở Nông nghiệp và PTNT
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	10				
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	8				
Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Huyện	Cầu Ngang, Duyên Hải				Cục Thống kê, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động-Thương binh	
Tỷ trọng lao động trong tổng lao động xã hội							
Trong nông nghiệp	%	38					
	Trong công nghiệp,	%	62				

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Mục tiêu	ƯTH cả năm	Đánh giá (đạt/không đạt)		
	xây dựng và dịch vụ						và XH
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo - Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ Tạo việc làm mới cho lao động	% % Lao động	68,94 35,94 23.000				Sở Lao động-Thương binh và XH
11	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2,8				Sở Lao động-Thương binh và XH
12	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học						Sở Giáo dục và Đào tạo
	Tiểu học	%	99,9				
	Trung học cơ sở	%	98,6				
13	Y tế						Sở Y tế

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Mục tiêu	ƯTH cả năm	Đánh giá (đạt/không đạt)		
14	Số giường bệnh/vạn dân	Giường bệnh	25,27				
	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	9,4				
15	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số	%	90,08				Bảo hiểm xã hội
	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	15,79				Bảo hiểm xã hội
16	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trong lực lượng lao động xã hội.	%	3,5				Bảo hiểm xã hội
	Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều: <i>Trong đó: trong đồng</i>	%	0,5				Sở Lao động-Thương binh và XH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Mục tiêu	ƯTH cả năm	Đánh giá (đạt/không đạt)		
	<i>bảo dân tộc Khmer giảm</i>	%	1%				
17	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện	%	99,5				Sở Công Thương
18	Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh						Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT
	Dân cư thành thị	%	99,2				
	Dân cư nông thôn	%	99,8				
	<i>Trong đó nước sạch</i>		74,53				
19	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	99,3				Sở Tài nguyên và Môi trường
	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý	%	100				
	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn thải sinh hoạt:	%	98,2				

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Mục tiêu	ƯTH cả năm	Đánh giá (đạt/không đạt)		
	- Khu vực đô thị - Khu vực nông thôn	%	75-80				
	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg được xử lý	%	75 (6/8 cơ sở)				
20	Tỷ lệ che phủ rừng so với diện tích tự nhiên	%	4,07				Sở Nông nghiệp và PTNT
21	Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.						Công an tỉnh
22	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn	%	90				Công an tỉnh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Mục tiêu	ƯTH cả năm	Đánh giá (đạt/không đạt)		
	về an ninh, trật tự.						
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, nhà trường đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.	%	95				
23	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng	%	98				BCH Quân sự tỉnh

Phụ lục 2

ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2023

(Kèm theo Chỉ thị số: **03** /CT-UBND ngày **09** tháng **8** năm **2022** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ	Đơn vị	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Chỉ tiêu	Ước thực hiện	Đánh giá (đạt/không đạt)		
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô						
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	%	< 3				Chi nhánh NHNN
2	Tỷ trọng chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế) so với tổng chi cân đối NSDP	%	64				Sở Tài chính
3	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với tổng chi cân đối NSDP	%	36				Sở Tài chính
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP	%	42%				Cục Thống kê
II	Một số chỉ tiêu về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng						
5	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	16-17				Sở Công Thương
6	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	15-16				Sở Công Thương
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng						
7	Điện sản xuất	Tr Kwh	11.569				Sở Công Thương
	Tốc độ tăng	%					
8	Điện thương phẩm	Tr Kwh	1.115				Sở Công Thương
	Tốc độ tăng	%	0,45				
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng nông thôn mới; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội						

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Chỉ tiêu	Ước thực hiện	Đánh giá (đạt/không đạt)		
9	Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	900			Sở LĐ-TB vàXH	
10	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	90			Sở Y tế	
11	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	74,85			Sở Y tế	
12	Tổng tỷ suất sinh (số con sinh ra sòng bình quân trên một phụ nữ)	Con/phụ nữ	1,96			Sở Y tế	
13	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,66			Sở Y tế	
14	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,6			Sở Y tế	
15	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	9,36			Sở Y tế	
16	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người	25			Sở Y tế	
17	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	‰	2,6			Sở Y tế	
18	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	‰	3,1			Sở Y tế	
19	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	5,0			Sở Y tế	
20	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi (chiều cao/tuổi)	%	7,3			Sở Y tế	
21	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng mở rộng đầy đủ các loại vắc xin	%	>95			Sở Y tế	
22	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021-2030	%	60			Sở Y tế	
23	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	100			Sở Y tế	
24	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	>90			Sở Y tế	
25	Tỷ lệ người lao động có nguy cơ được quản lý và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	%	30			Sở Y tế	
26	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	7			Sở Giáo dục và	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Chỉ tiêu	Ước thực hiện	Đánh giá (đạt/không đạt)		
27	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	90			Sở Giáo dục và ĐT	
28	Tình đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	tính	1			Sở Giáo dục và ĐT	
29	Tình đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2	tính	1			Sở Giáo dục và ĐT	
30	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sỹ	%	8			Sở Giáo dục và ĐT	
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh						
31	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par-Index)	%	82			Sở Nội vụ	
32	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	%	90			Sở Nội vụ	
33	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đối với TTHC tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp tỉnh từ ngày 01/6/2022.	%	100			Văn phòng UBND tỉnh	
34	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đối với TTHC tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022.	%	100			Văn phòng UBND tỉnh	
35	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, địa phương lên Cổng Dịch vụ công quốc gia tăng thêm so với năm 2021	%	20			Văn phòng UBND tỉnh	
36	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	30			Văn phòng UBND tỉnh	
37	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc	%	60			Văn phòng UBND tỉnh	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2022			Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo, đánh giá
			Chỉ tiêu	Ước thực hiện	Đánh giá (đạt/không đạt)		
	gia						
38	Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí, học phí trực tuyến trên Công Dịch vụ công quốc gia	%	50			Văn phòng UBND tỉnh	
39	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Công Dịch vụ công quốc gia	%	100			Văn phòng UBND tỉnh	
40	Tỷ lệ hồ sơ của hệ thống một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ trạng thái trên Công Dịch vụ công quốc gia phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá	%	100			Văn phòng UBND tỉnh	
41	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng						
	<i>Đối với các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>	%	100			Sở Thông tin và TT	
	<i>Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.</i>	%	90			Sở Thông tin và TT	
	<i>Đối với UBND cấp xã.</i>	%	70			Sở Thông tin và TT	
42	Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực xây lắp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng	%	100			Sở Kế hoạch và Đầu tư	